

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐBT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/11/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP1+BK20+P1	7:25	5+0+13	0+0+0		0+3+18	0+0+0	chuyen 6 pax bk20-p1
2		TD3+P11+BK14	7:25	19+0+3	0+0+0		17+2+1	0+0+0	
3		C10+CTK3+TD1	7:25	5+10+7	0+0+0		7+6+6	0+0+0	
4		P10+TD5	9:25	6+15	0+0		2+20	0+0	
5		VSP01+TD5	9:25	3+19	0+0		0+22	0+0	
6		BK6+RP3+RP1	11:25	9+7+0	0+0+0		4+5+13	0+0+0	
7		P1+P2+TD3	13:25	8+5+2	0+0+0		0+2+12	0+0+0	chuyen 4 p1- p2

TTĐBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ RP1 đi về trong ngày 5-ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/11/2024		TO: RP1 - BK20 - P1			AIRCRAFT: 406			ETD: 07:32		
FLIGHT: 01		FROM: VT			CREW: LINH - N.CƯỜNG - NNAM			ETA: 09:20		
XANH-1										
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VŨ VĂN TOÀN	RP1	400	1	3			75	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYEN QUANG THANG	RP1						75	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN NGOC QUYET	RP1	01	1	3			74	NIPI	Vietnamese
4	TRAN KHOA TRUONG	RP1	500	1	5			78	NIPI	Vietnamese
5	NGUYEN HUU BACH KHOA	RP1	02	1	5			78	NHA THAU	Vietnamese
6	TRAN MINH DAT	P1	89	1	12			85	XAYLAP	Vietnamese
7	TRINH HONG SON	P1	84	1	12			64	XAYLAP	Vietnamese
8	MAI XUAN TOAN	P1	78	1	14			60	XAYLAP	Vietnamese
9	BUI THANH LY	P1	92-93	2	17			68	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN QUOC DUONG	P1	85-86	2	10			65	XAYLAP	Vietnamese
11	LE PHUONG VIET ANH	P1	83	1	15			79	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN HUU KHUYEN	P1	79	1	12			60	XAYLAP	Vietnamese
13	BUI DINH THO	P1	94-95	2	18			73	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN VAN VIEN	P1	87-88	2	16			71	XAYLAP	Vietnamese
15	VU DINH HUNG	P1	80	1	7	1	15	64	XAYLAP	Vietnamese
16	TRINH VAN BAU	P1	82	1	12			72	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN VINH THAO	P1	90-91	2	15			56	XAYLAP	Vietnamese
18	LE QUANG PHUOC	P1	77	1	12			67	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP1	5	380	4	16	0	0	0		
2	BK20	0	0	0	0	0	0	3 + 6		CHUYEN 06 PAX BK20 SANG P1
3	P1	13	884	18	172	1	15	18		
TOTAL		18	1.264	22	188	1	15	21		
WEIGHT KG			1.264		188		15			

GRAND TOAL: 1.467 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/11/2024	TO: TD3 - P11 - BK14	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: DƯƠNG - NPHÚ - HUY	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	KOROTKOV VICTOR	TD3	69	1	6	1	9	120	KHOAN	Russian
2	GUSEINOV MAXIM	TD3	60-61	2	12			84	KHOAN	Russian
3	BUI HUU VUNG	TD3	53	1	7			91	KHOAN	Vietnamese
4	LUU VAN SON	TD3	59	1	5			61	KHOAN	Vietnamese
5	NGO VAN KIEM	TD3	50	1	4			65	KHOAN	Vietnamese
6	DO THANH HAI	TD3	65	1	8			100	KHOAN	Vietnamese
7	PHAM TRUONG ANH	TD3	52	1	2			94	KHOAN	Vietnamese
8	VU TOAN THANG	TD3	64	1	10			79	KHOAN	Vietnamese
9	PHAN HAI NAM	TD3	51	1	2			68	KHOAN	Vietnamese
10	VU QUANG HIEU	TD3	68	1	7			116	KHOAN	Vietnamese
11	TRANG NGOC HUNG	TD3	57	1	15			71	KHOAN	Vietnamese
12	DOAN MINH DAT	TD3	54	1	15			78	DVL	Vietnamese
13	USATENKO DMITRII	TD3	66	1	14			98	DVL	Russian
14	HOANG BA THANG	TD3	62	1	10	1	16	62	DVL	Vietnamese
15	BUI HAI THANH	TD3	58	1	6			70	PSV	Vietnamese
16	DAO VAN TIEN	TD3	55	1	8			60	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN TRUNG TAM	TD3	56	1	5			74	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN DAI KHOA	BK14	67	1	17	4	55	68	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM THAI SON	BK14	63-64	2	13	1	16	80	KH-THAC	Vietnamese
20	LUONG TUAN ANH	BK14	65-66	2	10			83	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD3	17	1.391	18	136	2	25	16		
2	P11	0	0	0	0	1	3	2		
3	BK14	3	231	5	40	5	71	1		
TOTAL		20	1.622	23	176	8	99	19		
WEIGHT KG			1.622		176		99			

GRAND TOAL: 1.897 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/11/2024	TO: CLO - CTK3 - TD1	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - SƠN - HIẾU	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	KRAVTSOV ALEXANDR	CLO	43	1	18			74	DVL	Russian
2	PHẠM HAI LONG	CLO	45	1	15			78	DVL	Vietnamese
3	NGUYEN VIỆT HUNG	CLO	46-47	2	17			66	DVL	Vietnamese
4	ĐO MINH HOANG	CLO	48	1	16			76	DVL	Vietnamese
5	NGUYEN ĐUNG	CLO	44	1	16			59	DVL	Vietnamese
6	TRẦN QUỐC KHIÊM	CTK3	45-47	3	15			90	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN BA HUE	CTK3	48	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN HUU HOANG ANH	CTK3	40	1	7			105	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN TAT THANG	CTK3	44	1	6			65	YTE	Vietnamese
10	VU ĐOAN HUNG	CTK3	43	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN THE HOI	CTK3	39	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese
12	TA TRUNG DUNG	CTK3	42	1	10			88	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN PHÚC NGUYỄN	CTK3	37-38	2	17			85	XAYLAP	Vietnamese
14	DANG THANH HOANG	CTK3	36	1	5			70	SANBAY	Vietnamese
15	SMIRNOV	CTK3	41	1	7			95	KH-THAC	Russian
16	ĐẶNG ĐỨC HÀ	TD1	90	1	12			70	KH-THAC	Vietnamese
17	VU VAN GIANG	TD1	84	1	10			78	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐO VĂN THAI	TD1	83	1	13			70	DVL	Vietnamese
19	HA NGOC LAM	TD1	87	1	12			75	PVD	Vietnamese
20	NGUYEN CUU VINH	TD1	85-86	2	15			55	PVD	Vietnamese
21	NGUYEN MINH VU	TD1	81-82	2	21			72	PVD	Vietnamese
22	VU THANH QUANG	TD1	88-89	2	10			64	PVD	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CLO	5	353	6	82	0	0	5		
2	CTK3	10	806	13	82	0	0	6		
3	TD1	7	484	10	93	0	0	8		
TOTAL		22	1.643	29	257	0	0	19		
WEIGHT KG			1.643		257		0			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/11/2024		TO: P10 - TD5			AIRCRAFT: 406			ETD: 09:50		
FLIGHT: 04		FROM: VT			CREW: LINH - N.CU'ONG - NNAM			ETA: 11:40		
XANH-2										
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN QUỐC ĐẠI	P10	01-02	2	19			82	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐINH VĂN TÂM	P10	07	1	10			61	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN GIA CU'ONG	P10	06	1	12			64	KH-THAC	Vietnamese
4	TẠ HỒNG QUÂN	P10	03	1	12	1	16	66	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ TRƯỞNG GIANG	P10	08	1	12			66	DVL	Vietnamese
6	LÊ HOÀI THIÊN	P10	04	1	15			77	DVL	Vietnamese
7	DAVYDOV DANIIL	TD5	34-35	2	8			68	KHOAN	Russian
8	CHUSH MAKSIM	TD5	32	1	5			101	KHOAN	Russian
9	NGUYỄN XUÂN THỂ	TD5	36	1	5			67	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN VĂN THIỀU	TD5	37	1	8			85	KHOAN	Vietnamese
11	VY HÙNG CU'ONG	TD5	29	1	7			73	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN PHÙNG QUẾ	TD5	27	1	4			71	KHOAN	Vietnamese
13	LƯU VĂN MẠNH	TD5	40	1	5			60	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ THANH TUẦN	TD5	41-42	2	13			89	KHOAN	Vietnamese
15	HA VĂN PHÚC	TD5	25	1	5	5	80	76	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN HOANG LINH	TD5	30	1	6			66	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM ĐĂNG KHÔI	TD5	28	1	10			93	KHOAN	Vietnamese
18	ĐẶNG VĂN HỒN	TD5	31,39	2	16			87	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM VĂN THUẦN	TD5	38	1	7			74	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐÌNH HUYNH	TD5	26	1	3			84	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN NGÀ	TD5	33	1	3			67	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P10	6	416	7	80	1	16	2		
2	TD5	15	1.161	18	105	5	80	20		
TOTAL		21	1.577	25	185	6	96	22		
WEIGHT KG			1.577		185		96			

GRAND TOAL: 1.858 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/11/2024	TO: VSP01 - TD5	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:55
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: DU'ONG - NPHU - HUYNH	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN KHANH HUNG	VSP01	49	1	10			70	CODIEN	Vietnamese
2	LE TRONNG TUYEN	VSP01	51	1	9	4	40	60	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYEN QUANG LINH	VSP01	50	1	9			74	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYEN HOANH VU	TD5	42	1	3			69	KHOAN	Vietnamese
5	HOANG NGOC DANH	TD5	31	1	5			71	KHOAN	Vietnamese
6	LE HOANG BAO AN	TD5	43	1	10			75	KHOAN	Vietnamese
7	PHAM XUAN HAI	TD5						74	KHOAN	Vietnamese
8	ĐANG MINH KHAI	TD5	33	1	9			84	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN TUAN	TD5	36	1	4			55	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN ĐUC BINH	TD5	40	1	7			82	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN MINH TIEN	TD5	32	1	8			90	KHOAN	Vietnamese
12	VU THE HUNG	TD5	41	1	10			77	KHOAN	Vietnamese
13	LE HUU HUNG	TD5	44	1	12			67	KHOAN	Vietnamese
14	ĐAO DUY ĐIỆP	TD5	34	1	11			78	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN ANH QUANG	TD5	37-38	2	17			80	CODIEN	Vietnamese
16	ĐOAN VIET ĐONG	TD5	39	1	11	2	27	75	CODIEN	Vietnamese
17	BUI NGOC ĐO	TD5	47	1	5	1	20	70	ANTOAN	Vietnamese
18	PHAM QUANG HUY	TD5	46	1	7			65	PSV	Vietnamese
19	VU VAN THU	TD5	35	1	6			67	PSV	Vietnamese
20	ĐINH VAN HOAI	TD5	45	1	3			65	PSV	Vietnamese
21	ĐOAN TRUNG KIEN	TD5	99	1	3			63	PSV	Vietnamese
22	PHAN THANH NAM	TD5	700	1	10			74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	VSP01	3	204	3	28	4	40	0		
2	TD5	19	1.381	19	141	3	47	22		
TOTAL		22	1.585	22	169	7	87	22		
WEIGHT KG			1.585		169		87			

GRAND TOAL: 1.841 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/11/2024	TO: BK6 - RP3 - RP1	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: HÙNG - M.ĐỨC - TOAN	ETA: 14:00
DO-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN CÔNG ĐÌNH	BK6	83	1	11			70	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN VĂN LAI	BK6	80-81	2	20			60	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ HỒNG DƯƠNG	BK6	84	1	13	1	15	57	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN VĂN TÂN	BK6	88-89	2	20			67	XAYLAP	Vietnamese
5	HOANG VĂN THANH	BK6	90-91	2	19			63	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN PHÚC SANG	BK6	86-87	2	20			64	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN CHU	BK6	82	1	14			62	XAYLAP	Vietnamese
8	BUI VĂN THOẠI	BK6	92	1	7	1	15	65	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG QUÊ	RP3	26-27	2	20	1	5	70	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY DƯƠNG	RP3	20-21	2	20			72	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐOÀN ĐÌNH DUNG	RP3	17	1	3	2	23	62	XAYLAP	Vietnamese
12	BUI CÔNG ĐÌNH	RP3	29	1	12	1	15	108	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐÀO NGUYỄN DU MẠC	RP3	22	1	12	1	15	64	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐỖ TRỌNG LƯỢNG	RP3	15-16	2	20			62	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐÌNH QUANG DUNG	RP3	23-24	2	20			67	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAM CONG HAU	RP3	25	1	15			63	DUYLINH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK6	8	508	12	124	2	30	4		
2	RP3	8	568	12	122	5	58	5		
3	RP1	0	0	0	0	0	0	13		
TOTAL		16	1.076	24	246	7	88	22		
WEIGHT KG			1.076		246		88			

GRAND TOAL: 1.410 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/11/2024	TO: P1 - P2 - TD3	AIRCRAFT: 406	ETD: 14:00
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: HUNG - M.ĐỨC - TOAN	ETA: 15:50
XANH-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ HỒNG QUÂN	P1	71-72	2	20			68	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH NAM	P1	75-76	2	18			75	XAYLAP	Vietnamese
3	PHAN HUY CƯỜNG	P1	73-74	2	20			55	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM THANH NAM	P1	77-78	2	25			70	XAYLAP	Vietnamese
5	TẠ NGỌC THANH	P1	80-81	2	19	5	89	75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH TÂM	P1	82	1	15			77	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ CHI CÔNG	P1	79	1	10			55	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC ĐẠO	P1	83-84	2	17			65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC QUANG	P2	67	1	18			60	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN VĂN NGŨ	P2	68	1	10			67	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN KHÁC SƠN	P2	65-66	2	25			56	XAYLAP	Vietnamese
12	LƯƠNG ĐÌNH HÙNG	P2	63-64	2	17			66	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC CHÂN	P2	60	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TUÂN NGỌC	P2	61-62	2	19	1	5	58	XAY LAP	Vietnamese
15	BUI XUAN CUONG	TD3	41-42	2	11	5	100	63	BIENDONG	Vietnamese
16	DO XUAN CHINH	TD3	48-49	2	17			67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P1	8	540	14	144	5	89	0	4	CHUYEN 4 PAX P1-P2
2	P2	6	382	9	94	1	5	7		
3	TD3	2	130	4	28	5	100	11		THAO 1 GHE DOI CHO THUC PHAM
TOTAL		16	1.052	27	266	11	194	18		
WEIGHT KG			1.052		266		194			

GRAND TOAL: 1.512 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/11/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		T.UNG	7:25	19	0		19	0	
2		BK3+BK5+RC10+RP2	7:25	8+0+9+0	0+0+0+0		2+7+2+11	0+0+0+0	
3		TD5+P8+VSP02	9:25	2+17+0	0+0+0		0+13+9	0+0+0	

TTBBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/11/2024	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:45
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: LTUẤN - MẠNH	ETA: 11:00
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VŨ TÂN HỮU	T.UNG	41	1	12			69	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	T.UNG	27-28	2	17			77	XAYLAP	Vietnamese
3	VŨ BĂNG	T.UNG	30-31	2	12			59	XAYLAP	Vietnamese
4	CAO VĂN MẠNH	T.UNG	29	1	17			68	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ VĂN NHÂN	T.UNG	47-48	2	20			75	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC HOÀN	T.UNG	38	1	7			59	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN QUỐC VIỆT	T.UNG	34-35	2	19			66	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HỮU	T.UNG	32-33	2	20			64	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM VĂN BÌNH	T.UNG	45-46	2	16			78	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN ĐỒNG	T.UNG	42-43	2	14			68	XAYLAP	Vietnamese
11	NGO VĂN SƠN	T.UNG	80-81	2	16			70	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH HẢI	T.UNG	36	1	13	1	11	81	XAYLAP	Vietnamese
13	LY HỮU THẮNG	T.UNG	50	1	16			69	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ XUÂN KHOE	T.UNG	25-26	2	16			67	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐOÀN ĐẮC TUY	T.UNG	39	1	4			58	PSV	Vietnamese
16	TRẦN TỬ LONG	T.UNG	40	1	5			65	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN TIỀN CHUÔNG	T.UNG	44	1	3			66	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT HÙNG	T.UNG	49	1	6			69	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG TOÀN	T.UNG	51	1	6			58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	T.UNG	19	1.286	28	239	1	11	19		
TOTAL		19	1.286	28	239	1	11	19		
WEIGHT KG			1.286		239		11			

GRAND TOAL: 1.536 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/11/2024	TO: BK3 - BK5 - RC10 - RP2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: DUONG - ĐNAM -	ETA: 09:20
XANH-1		QTRUONG	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐINH NGOC HUNG	BK3	70	1	8			66	XAYLAP	Vietnamese
2	VÔ VĂN QUANG	BK3	75-76	2	17			65	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VIỆT TOÀN	BK3	67	1	12			71	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐÔNG VĂN THUY	BK3	71-72	2	17			74	XAYLAP	Vietnamese
5	HA TUAN DUNG	BK3	68-69	2	20			71	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	BK3	73-74	2	18			69	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM VĂN HUNG	BK3	77	1	14			79	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN QUỐC TÀI	BK3	78-79	2	13	2	21	76	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN DUY PHÚ	RC10	57	1	18	1	20	74	XAYLAP	Vietnamese
10	HOANG VĂN NAM	RC10	61	1	10			64	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN GIA HIỆU	RC10	63	1	12			64	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẠM VĂN QUYÊN	RC10				2	28	75	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN VĂN HÈ	RC10	59-60	2	18			64	XAYLAP	Vietnamese
14	VUÔNG THÈ HA	RC10	64-65	2	20			67	XAYLAP	Vietnamese
15	VŨ XUÂN CHINH	RC10	58	1	13			67	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN HAM CHUNG	RC10	62	1	9			68	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ VIỆT QUANG	RC10	53-54	2	19			70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK3	8	571	13	119	2	21	2		
2	BK5	0	0	0	0	0	0	7		
3	RC10	9	613	11	119	3	48	2		
4	RP2	0	0	0	0	0	0	11		
TOTAL		17	1.184	24	238	5	69	22		
WEIGHT KG			1.184		238		69			

GRAND TOAL: 1.491 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/11/2024	TO: TD5 - P8 - VSP02	AIRCRAFT: 406	ETD: 10:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: DUONG - ĐNAM -	ETA: 11:40
XANH-2		QTRUONG	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN NGỌC THANH	TD5	23-24	2	17			58	VŨ GIA	Vietnamese
2	LÊ VĂN LỘC	TD5	25-26	2	16	1	8	58	VŨ GIA	Vietnamese
3	VÔ HOANG TIEN	P8	33	1	20			80	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM HÂN VŨ	P8	34	1	7			70	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM NGỌC BAO	P8	36	1	9			66	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐỖ NGỌC TÂM	P8	37	1	16			91	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC HUY	P8	86	1	15			69	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN PHI HÙNG	P8	56-57	2	12			66	XAYLAP	Vietnamese
9	HOANG VĂN CUÔNG	P8	47-48	2	20			73	XAYLAP	Vietnamese
10	VÔ THANH BÌNH	P8	35	1	13			56	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAN DUY NGỌC	P8	49-51	3	13	3	62	55	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐINH VĂN TÙNG	P8				2	25	57	XAYLAP	Vietnamese
13	BIỆN VĂN THIÊN	P8				2	23	82	XAYLAP	Vietnamese
14	NGÔ VĂN MẠNH	P8	38-39	2	17			64	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ ĐĂNG ĐẠO	P8	58-59	2	11			68	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH NAM	P8	52-53	2	10			55	XAYLAP	Vietnamese
17	PHAN THANH NGA	P8	44-45	2	20			88	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH CÔNG	P8	40-41	2	20			82	XAYLAP	Vietnamese
19	HOANG VĂN THĂNG	P8	54-55	2	20			61	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD5	2	116	4	33	1	8	0		
2	P8	17	1.183	25	223	7	110	13		
3	VSP02	0	0	0	0	0	0	9		
TOTAL		19	1.299	29	256	8	118	22		
WEIGHT KG			1.299		256		118			

GRAND TOAL: 1.673 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Lưu VSP